TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 06 năm 2023
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Bá Diễn
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Cúc và bà Hoàng Thị Hồng Quyên
- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu- tỉnh Đồng Nai.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu- tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 576/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/12/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1989.
Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, H1ện V, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Huỳnh Văn V, sinh năm 1987.
Nơi cư trú: Ấp 6, xã T, H1ện V, tỉnh Đồng Nai.
(Chị N và anh V đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

Chị N và anh Huỳnh Văn V tự nguyện yêu thương kết hôn và được UBND xã T, H1ện V, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 28/2014 ngày 04/4/2014.

Trong thời gian chung sống, chị và anh V thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và trầm trọng nhất từ tháng 8/2021 đến nay. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng trong quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau về mọi vấn đề. Do không thể chung sống với nhau được nữa nên từ năm 2021 đến nay, anh chị đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Tháng 06/2022, chị đã nộp đơn ly hôn với anh V nhưng sau khi Tòa án hòa giải đoàn tụ, chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy N sau đó, mâu thuẫn vợ chồng không những không tH1ên giảm mà ngày càng trầm trọng hơn. Xét thấy hôn nhân không có hạnh phúc và tình cảm dành cho anh V không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh V có 01 con chung tên là Huỳnh Đức H1, sinh ngày 09/12/2017. yêu cầu Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng con vì hiện nay cháu đang sống chung với chị và do chị trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị có công việc, thu nhập ổn định (trên 9.000.000đ/ tháng) đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con nên tạm thời chị không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị và anh V không có nợ chung và chị không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng.

Chị đồng ý nộp toàn bộ án phí về việc ly hôn.

- Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Huỳnh Văn V không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị N, cũng không đến Tòa án làm việc, không đến tham gia phiên tòa nên không có lời trình bày của anh V.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

Yêu cầu của chị N là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N về việc được ly hôn với anh V; Về con chung: giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Đức H1 và tạm thời anh V không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Chị Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn với anh Huỳnh Văn V và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Bị đơn là anh Huỳnh Văn V có nơi cư trú tại ấp 6, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân H1ện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Sau khi thụ lý Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và đã nhiều lần tống đạt hợp lệ "Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải" và "giấy triệu tập" (thể hiện tại các bút lục số: 20 đến 23; 31 đến 35; 51 đến 54; 57 đến 60) nhưng anh V không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên họp. Do anh V đã được thông báo, triệu tập nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp và hòa giải nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tiến hành hòa giải được. Đồng thời, tiếp tục tống đạt cho anh V bằng thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng gồm: "Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải", "Quyết định đưa vụ án ra xét xử", "Quyết định hoãn phiên tòa" (thể hiện tại các bút lục số: 71 đến 74 và 83 đến 86) theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Về phía chị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh V theo quy định.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Chị N và anh V tự nguyện chung sống với nhau, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa chị N, anh V là hôn nhân hợp pháp.

2.2. Như đã phân tích mục 1.3 nêu trên, anh V không lên Tòa án tham gia giải quyết vụ án, cũng không thực hiện nghĩa vụ chứng minh, cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

2.3. Trên cơ sở lời khai, lời trình bày của chị N và xác minh tại địa phương nơi chị N, anh V sinh sống thì thấy cuộc sống chung của chị N đã mâu thuẫn, không có hạnh phúc. Trên thực tế, chị N đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh V từ tháng 06/2022, sau khi Tòa án hòa giải đoàn tụ chị N đã rút đơn ly hôn, tuy N sau khi rút đơn về chị N, anh V vẫn không hàn gắn được và mâu thuẫn tiếp tục xảy ra. Chị N đã sống ly thân với anh V từ năm 2021 đến nay, vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Đồng thời anh V không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải chứng tỏ anh V cũng không có thiện trí hòa giải đoàn tụ. Xét thấy anh V, chị N không còn sự yêu thương, tôn trọng lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị N với anh V là có cơ sở chấp nhận.

2.3. Về con chung: Chị N yêu cầu nuôi dưỡng cháu Huỳnh Đức H1. Anh V không có ý kiến phản đối yêu cầu này của chị N Đồng thời hiện nay cháu H1 đang sống với chị N. Chị N có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định. Do vậy căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình thì yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị N là có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N về việc chị N tạm thời không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi dưỡng con.

2.4. Chị N khai chị N và anh V không có nợ chung. Chị N không yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không giải quyết về nợ chung và tài sản chung trong vụ án này.

[3]. Về án phí ly hôn: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp.

[4]. Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc N. Chị Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn với anh Huỳnh Văn V.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Đức H1, sinh ngày 09/12/2017 cho chị Nguyễn Thị Ngọc N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Tạm thời anh Huỳnh Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của anh V.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Ngọc N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004787 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự H1ện Vĩnh Cửu. Như vậy, chị N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. Chị N, anh V có quyền kháng cáo trong hạn thời 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án này theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã T, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Bá Diễn